ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

**TRƯỜNG MẦM NON 12**

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023 – 2024 LỚP: MẦM 2 (3 – 4 TUỔI)**

**Đã thực hiện Chưa thực hiện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **MỤC TIÊU** | **NỘI DUNG GIÁO DỤC** | **DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN** |
| 1. **PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** | | |
| ***a) Phát triển vận động :*** | | |
| **- Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi**.  **- Trẻ thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp**  + Trẻ thực hiện đủ các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp trong bài tập thể dục theo hướng dẫn của giáo viên. | - Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng.  - Tập luyện các bài tập thể dục thường xuyên  - Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ.  - Giữ gìn sức khỏe và an toàn trong sinh hoạt hàng ngày | Tháng 9  Tháng 10  Tháng 12,1 |
| - ***Hô hấp:*** Hít vào, thở ra  - ***Tay:*** Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. (trang 10,11 sách bài tập và phát triển vận động trẻ 3-4 tuổi)   * BT 1: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. | Tháng 9,10,11,1  Tháng 10  Tháng 12  Tháng 9 |
| * BT 2: Đưa 2 tay dang ngang hai bên, đưa lên cao.. |  |
| * BT 3: Hai tay đưa ra phía trước, đưa lên cao. | Tháng 10,11  Tháng 12 |
| - ***Tay:*** Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực (trang 10,11 sách bài tập và phát triển vận động trẻ 3-4 tuổi)   * BT 1: Hai tay đưa ra phía trước, gập khủy tay, bắt chéo hai tay trước ngực | Tháng 12 |
| * BT 2: Hai tay dang ngang hai bên, gập khủy tay, bắt chéo hai tay trước ngực | Tháng 10,1,3 |
| * BT 3: Hai tay đưa ra phía trước, đưa lên cao. | Tháng 12 |
| - ***Lưng, bụng, lườn***: Cúi về phía trước (trang 13,14 sách bài tập và phát triển vận động trẻ 3-4 tuổi)   * BT 1: Hai tay đưa lên cao, cúi xuống, đứng lên | Tháng 9,3 |
| * BT 2: Hai tay dang ngang hai bên, cúi xuống, đứng lên | Tháng 11,1 |
| * BT3: Hai tay để sau lưng, cúi xuống, đứng lên, ngả người ra sau | Tháng 12 |
| - ***Lưng, bụng, lườn***: Quay sang trái, sang phải (trang 14,15 sách bài tập và phát triển vận động trẻ 3-4 tuổi)   * BT1: Hai tay chống hông, quay người sang phải, sang trái | Tháng 9 |
| * BT2: Hai tay đưa ra sau lưng, quay người sang phải, sang trái |  |
| * BT3: Hai tay đưa ra phía trước, quay người sang phải, sang trái |  |
| - ***Lưng, bụng, lườn***: Nghiêng người sang trái, sang phải. (trang 16,17 sách bài tập và phát triển vận động trẻ 3-4 tuổi)   * BT1: Hai tay chống hông, nghiêng người sang phải, sang trái | Tháng 12 |
|  | * BT2: Hai tay dang ngang 2 bên, nghiêng người sang phải, sang trái | Tháng 10 |
| * BT3: Hai tay đặt sau gáy, nghiêng người sang phải, sang trái |  |
| - ***Chân*:** Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ (trang 17, 18 sách bài tập và phát triển vận động trẻ 3-4 tuổi)   * BT1: Bước chân lên phía trước, bước sang ngang |  |
| * BT2: Ngồi xổm, đứng lên | Tháng 9,11,3 |
| * BT3: Bật tại chỗ (bật chụm tách chân) | Tháng 9,11,1,3 |
| - ***Chân:*** Co duỗi chân (trang 18 sách bài tập và phát triển vận động trẻ 3-4 tuổi) | Tháng 12 |
| **- Trẻ thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động**  + Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể | **Đi, chạy** | |
| - Đi kiễng gót liên tục 3m. | Tháng 10,3 |
| - Đi trong đường hẹp (2-3m x 0,2m). | Tháng 9 |
| - Đi trong đường hẹp (3m x 0,2m) đầu đội túi cát | Tháng 11 |
| - Đi trên băng ghế |  |
| + Trẻ kiểm soát được vận động đi và chạy | - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh |  |
| - Đi, chạy thay đổi hướng liên tục theo đường dích dắc (rộng 30-35cm, có 3 - 4 điểm dích dắc, khoảng cách các điểm là 2-2,5m)  - Chạy thay đổi hướng liên tục theo đường dích dắc không chệch ra ngoài. | Tháng 1 |
| - Chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh (chạy từ 2,5m -3m) |  |
| + Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp | - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng |  |
| **Bò, trườn, trèo** | |
| - Bò bằng bàn tay, cẳng chân theo hướng thẳng, dích dắc |  |
| - Bò trong đường hẹp (3m-0,4m) không chệch ra ngoài |  |
| - Bò bằng bàn tay, cẳng chân theo hướng dích dắc (rộng 50cm, có 3 - 4 điểm dích dắc, khoảng cách các điểm là 2,5m) | Tháng 12,1 |
| - Bò chui qua cổng. | Tháng 9 |
| - Trườn sấp theo hướng thẳng. |  |
| - Trườn theo đường dích dắc. |  |
| - Trườn về phía trước (2-3m) | Tháng 3 |
| - Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm). | Tháng 11 |
| - Trèo thang |  |
| **Bật, nhảy** |  |
| - Bật xa 20 - 25 cm. | Tháng11  Tháng 12 |
| - Bật tiến về phía trước (khoảng cách 25-30cm, 4-5 đường thẳng song song). | Tháng 9 |
| - Bật tại chỗ | Tháng 9 |
| **Tung, ném, bắt** | |
| + Trẻ phối hợp tay - mắt trong vận động | - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). | Tháng 10 |
| - Lăn bóng với cô | Tháng 1 |
| - Đập bắt bóng với cô | Tháng 11 |
| - Ném trúng đích bằng 1 tay (khoảng cách 1,5m) |  |
| - Ném xa bằng 1 tay. | Tháng 10,11,3 |
| - Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang. | Tháng 3 |
| - Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng dọc. |  |
| **- Trẻ có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. Phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ**  + Trẻ thực hiện được các vận động (Xoay tròn cổ tay, gập, đan ngón tay vào nhau,...)  + Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động | - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. | Tháng 9,11 |
| * Vẽ được hình tròn theo mẫu. | Tháng 11 |
| * Đan, tết. | Tháng 1 |
| * Xếp chồng 8 -10 các hình khối khác nhau không đổ. |  |
| * Xé, dán giấy. | Tháng 1 |
| * Sử dụng kéo, bút |  |
| * Tô vẽ nguệch ngoạc. | Tháng 9,11 |
| * Cài, cởi cúc. | Tháng 9,11 |
| ***b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ :*** | | |
| **- Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe**  + Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh  + Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày.  + Trẻ biết ăn để chống lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. | - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.  - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…).  - Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.  - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. | Tháng 9,11  Tháng 10  Tháng 9,11  Tháng 10 |
| **- Trẻ làm được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt và giữ gìn sức khoẻ**  + Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn (rửa tay, lau mặt đúng cách; cất áo quần, balô, giày dép đúng chổ).  + Trẻ sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. | - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. | Tháng 9,11,1 |
| - Tập rửa tay bằng xà phòng. | Tháng 9,11,1 |
| - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. | Tháng 9,11 |
| - Sử dụng chén, muỗng, ly đúng cách (cầm theo tay con thuận). | Tháng 9,11 |
| **- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khoẻ.**  + Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở.  + Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở. | - Nhận biết trang phục theo thời tiết. | Tháng 3 |
| - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. | Tháng 1 |
| - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể (vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi giày, dép khi đi học....), vệ sinh môi trường đối với sức khoẻ con người. | Tháng 9,11 |
| - Tập luyện một số thói quen tốt, hành vi tốt trong ăn uống về giữ gìn sức khỏe (uống nước đã đun sôi, ăn thức ăn đã nấu chín, không ăn thức ăn sống hay để nguội, ôi thiu,…) | Tháng 9,10,11  Tháng 12 |
| **- Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh**  + Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bếp, bàn ủi, nước đun sôi,..) khi được nhắc nhở.  + Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước,...) khi được nhắc nhở.  + Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở | - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, gọi người giúp đỡ. | Tháng 9,11 |
| - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ | Tháng 3 |
| - Nhận biết và tránh một số hành động nguy hiểm, vật dụng nguy hiểm, nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở (không cười đùa trong khi ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt; không tự lấy thức uống; không leo trèo bàn ghế, lan can; không nghịch các vật sắc nhọn; không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp). | Tháng 9,11  Tháng 12,1 |
| 1. **PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** | | |
| **a/ Khám phá khoa học:** | | |
| **- Trẻ biết xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng**  + Trẻ quan tâm, hứng thú khám phá, tìm tòi, đặt câu hỏi về đối tượng | Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. |  |
| Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng *đồ dùng, đồ chơi* | Tháng 10,11,1 |
| Tên, đặc điểm, công dụng của một số *phương tiện giao thông* quen thuộc |  |
| Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc | Tháng 1,3 |
| Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. | Tháng 3 |
| Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. | Tháng 12 |
| Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. |  |
| Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. |  |
| Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. | Tháng 12,3 |
| Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. |  |
| Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. |  |
| Một vài đặc điểm của đất, đá, cát, sỏi. |  |
| + Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. | - Chức năng của các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. | Tháng 10,11,3 |
| + Trẻ làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. | - Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. | Tháng 10,3 |
| + Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng. | Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng. | Tháng 3 |
| + Trẻ phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu nổi bật. | Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. | Tháng 10,11 |
| **- Trẻ có khả năng phát hiện mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.**  + Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi. | Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi. | Tháng 1,3 |
| Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. | Tháng 10,11,3 |
| Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi. | Tháng 10,3 |
| **b/Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán:** | | |
| **- Trẻ có một số hiểu biết ban đầu về một số khái niệm sơ đẳng về toán.**  **- Trẻ nhận biết số đếm, số lượng**  + Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.  + Trẻ đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.  + Trẻ so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.  + Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5  + Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.  **- Trẻ sắp xếp theo qui tắc.**  + Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.  **- Trẻ so sánh 2 đối tượng**  + Trẻ so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn, dài hơn/ngắn hơn, cao hơn/thấp hơn, bằng nhau  **- Trẻ nhận biết hình dạng**  + Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật.  **- Trẻ nhận biết trong không gian và định hướng thời gian.**  + Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân | - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.  - Nhận biết 1 và nhiều.  - So sánh số lượng hai nhóm đối tượng về kích thước.  - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.  - Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm nhỏ hơn.  - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.  - Xếp xen kẽ  - So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau  - Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.  - Sử dụng các hình hình học để chắp ghép.  - Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân. | Tháng 10,11  Tháng 10  Tháng 3  Tháng 12,3  Tháng 1  Tháng 3  Tháng 11  Tháng 12,1,3  Tháng 10,11  Tháng 3  Tháng 10,11 |
| **c/ Khám phá xã hội:** | | |
| **- Trẻ nhận biết bản thân, gia đình, nhà trường, lớp mầm non và cộng đồng.**  + Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.  + Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình  + Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình  + Trẻ nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.  **- Trẻ nhận biết 1 số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương.**  + Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng ... khi được hỏi, xem tranh  **- Trẻ nhận biết 1 số lễ hội và danh lam thắng cảnh.**  + Trẻ kể tên một số lễ hội: ngày khai giảng, Tết trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh  + Trẻ kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương. | Tên, tuổi, giới tính của bản thân. | Tháng 9 |
| Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình | Tháng 10,11 |
| Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo | Tháng 9 |
| Tên cô, tên các bạn, tên đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường | Tháng 10,11 |
| Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. |  |
| Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương. | Tháng 1 |
| 1. **PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** | | |
| **a/ Nghe:** | | |
| * **Trẻ nghe hiểu lời nói**   + Trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói và thực hiện được yêu cầu đơn giản trong giao tiếp hằng ngày | Hiểu và thực hiện được các yêu cầu đơn giản. | Tháng 9,11,1 |
| Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. | Tháng 12,1 |
| + Trẻ nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. | Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi | Tháng 10,11,1,3 |
| Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. | Tháng 9,11,1,3 |
| + Trẻ nghe và hiểu các từ khái quát gần gũi | Hiểu các từ khái quát chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. | Tháng 12,3 |
| + Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. | Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. | Tháng 9,11,1,3 |
| **b/ Nói:** | | |
| * **Trẻ sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày**.   + Trẻ nói rõ các tiếng.  + Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...  + Trẻ sử dụng được các từ câu đơn, câu  ghép. | Phát âm các tiếng của Tiếng Việt. | Tháng 9,11,1,3 |
| Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng | Tháng 9,1,3 |
| Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào? |  |
| Sử dụng được các từ biểu thị sự lễ phép | Tháng 10,11,1,3 |
| Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. |  |
| + Trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. | - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. | Tháng 9,11,1,3 |
| + Trẻ có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. | Kể lại 1 vài tình tiết của truyện đã được nghe. | Tháng 12,3 |
| Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. | Tháng 10,11,1,3 |
| Kể lại sự việc | Tháng 3 |
| + Trẻ có khả năng bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. | Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. | Tháng 3 |
| Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên. | Tháng 12 |
| + Trẻ diễn đạt rõ ràng, lễ phép, chủ động và tự tin trong cuộc sống hàng ngày. | Sử dụng các từ vâng, dạ, thưa trong giao tiếp | Tháng 9,11,1,3 |
| Nói đủ nghe, không nói lí nhí. | Tháng 10,1,3 |
| **c/ Làm quen với việc đọc-viết:** | | |
| * **Trẻ có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.**   + Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.  + Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh  **+** Trẻ thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoặc. | Làm quen với 1 số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông : đường dành cho người đi bộ) |  |
| Tiếp xúc với chữ, sách truyện. | Tháng 10,11 |
| Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau |  |
| Làm quen với cách đọc và viết Tiếng Việt :  + Hướng đọc, viết : từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.  + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu. |  |
| Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và đọc truyện | Tháng 9,11 |
| Giữ gìn sách | Tháng 1,3 |
| 1. **PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM - KĨ NĂNG XÃ HỘI** | | |
| **a/ Phát triển tình cảm:** | | |
| **- Trẻ thể hiện ý thức về bản thân**  + Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, sở thích của bản thân  + Trẻ nói được điều bé thích, không thích. | Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. | Tháng 9 |
| Nói được điều bé thích, không thích. |  |
| **- Trẻ thể hiện sự tự tin, tự lực.**  + Trẻ mạnh dạn, tự tin tham gia vào các hoạt động, khi trả lời câu hỏi.  + Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...). | - Mạnh dạn, tự tin tham gia vào các hoạt động. | Tháng 10,11 |
| - Mạnh dạn, tự tin khi trả lời câu hỏi. | Tháng 10,11 |
| - Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...). | Tháng 10,11,3 |
| - Lao động tự phục vụ. | Tháng 9,11,3 |
| **- Trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh**  + Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh  + Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, tức giận.  + Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.  + Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. | - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, cử chỉ. | Tháng 9,11  Tháng 12 |
| - Biết biểu lộ trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. | Tháng 9,11,1,3 |
| - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ |  |
| - Kính yêu Bác Hồ. |  |
| - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước | Tháng 1,3 |
| - Yêu quê hương, đất nước. |  |
| **b/ Phát triển kĩ năng xã hội:** | | |
| **- Trẻ có hành vi và quy tắc ứng xử xã hội**  + Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.  + Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...  + Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.  + Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. | - Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ | Tháng 9,11,1 |
| - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. xin lỗi khi được nhắc nhở... | Tháng 10,11 |
| - Biết chào hỏi và nói cảm ơn. | Tháng 9,11,1 |
| - Lắng nghe khi cô và bạn nói. | Tháng 9,11 |
| - Chơi hòa thuận với các bạn | Tháng 9,11,1,3 |
| - Chờ đến lượt. | Tháng 9,11 |
| - Tham gia các trò chơi. | Tháng 10 |
| - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu” | Tháng 11,1 |
| **- Trẻ quan tâm đến môi trường**  + Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.  + Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định. | - Bỏ rác đúng nơi quy định. | Tháng 9,11,1 |
| - Tiết kiệm điện, nước. |  |
| - Giữ gìn vệ sinh môi trường. | Tháng 3 |
| - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. | Tháng 12,1 |
| 1. **PHÁT TRIỂN THẨM MỸ** | | |
| **a/ Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)** | | |
| * **Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.**   + Trẻ thể hiện sự vui sướng, vỗ tay, chú ý, tỏ ra thích thú, sờ, ngắm,...)  + Trẻ biết chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc.  + Trẻ thể hiện sự vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình. | Bộc lộ cảm xúc: Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật | Tháng 9,11,1,3 |
| **b/Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và tạo hình:** | | |
| **- Trẻ có một số kĩ năng về hoạt động âm nhạc:**  + Trẻ hát tự nhiên, theo giai điệu  + Trẻ vận động nhịp nhàng theo bài hát. | * Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). | Tháng 10,11  Tháng 12,1,3 |
| * Hát tự nhiên , hát được theo giai điệu, lời ca bài hát quen thuộc. | Tháng 10,11  Tháng 12,1,3 |
| * Vận động đơn giản theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, theo nhịp, vận động minh họa). | Tháng 10,11,1,3 |
| * Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách. | Tháng 3 |
| * Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp. | Tháng 3 |
| - **Trẻ có một số kĩ năng trong hoạt động tạo hình** (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).  + Trẻ sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.  + Trẻ vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.  + Trẻ xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.  + Trẻ lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.  + Trẻ xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.  + Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình | Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. |  |
| Sử dụng 1 số kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo nên sản phẩm đơn giản.   * Vẽ các nét thẳng, tạo thành bức tranh đơn giản. | Tháng 10,11,1  Tháng 10 |
| * Vẽ các nét ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. | Tháng 10 |
| * Vẽ các nét xiên, tạo thành bức tranh đơn giản. |  |
| * Xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. |  |
| * Xé theo dải và dán thành sản phẩm đơn giản. | Tháng 3 |
| * Lăn dọc đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. | Tháng 12,1 |
| - Xoay tròn đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. | Tháng 11,1 |
| - Ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. |  |
| - Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản. | Tháng 9,11,1 |
| - Nhận xét các sản phẩm tạo hình. | Tháng 10,1,3 |
| **c/ Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)** | | |
| **- Trẻ thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).**  + Trẻ vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc  + Trẻ tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.  + Trẻ đặt tên cho sản phẩm tạo hình | * Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc. | Tháng 9,1,3 |
| * Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. | Tháng 10, 12,1,3 |
| - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. | Tháng 3 |